

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn

Chương: 423

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

09 tháng năm 2026

(Kèm theo công văn số: 787/BVĐK-TCKT ngày 03/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn công khai tình hình thực hiện dự toán Thu-Chi 09 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Số TT      | Nội dung                                                             | Dự toán năm 2026   | Ước thực hiện 09 tháng 2026 | So sánh (%)                                        |                                                           |
|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|            |                                                                      |                    |                             | Ước thực hiện 09 tháng /Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 09 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                   |                    |                             |                                                    |                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác</b>                   | <b>119.178.000</b> | <b>92.206.163</b>           | <b>77,37</b>                                       | <b>100,8</b>                                              |
| 1          | Lệ phí, lệ phí                                                       |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 2          | Thu dịch vụ                                                          | 119.178.000        | 92.206.163                  | 77,37                                              | 100,8                                                     |
|            | + Thu từ BHYT( BV+TYT Q1/2026)                                       | 104.000.000        | 79.056.000                  |                                                    |                                                           |
|            | + Thu từ người bệnh không BHYT                                       | 14.000.000         | 12.057.940                  |                                                    |                                                           |
|            | + Thu dịch vụ trông xe, căng tin, quầy thuốc, lãi tiền gửi, thu khác | 1.178.000          | 1.092.223                   |                                                    |                                                           |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                              | <b>119.060.000</b> | <b>83.375.636</b>           | <b>70,0</b>                                        | <b>111,7</b>                                              |
| 1          | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               | 119.060.000        | 83.375.636                  | 70,0                                               | 111,7                                                     |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                    | 119.060.000        | 83.375.636                  |                                                    |                                                           |
|            | + Thu từ BHYT                                                        | 104.000.000        | 71.317.696                  |                                                    |                                                           |
|            | + Thu từ người bệnh không BHYT                                       | 14.000.000         | 12.057.940                  |                                                    |                                                           |
|            | + Thu dịch vụ trông xe, căng tin, quầy thuốc, lãi tiền gửi, thu khác | 1.060.000          |                             |                                                    |                                                           |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                              |                    |                             |                                                    |                                                           |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác nộp NSNN</b>              | <b>118.000</b>     | <b>96.367</b>               | <b>81,7</b>                                        | <b>114,3</b>                                              |
| 1          | Thu phí, lệ phí                                                      |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 2          | Thu dịch vụ                                                          | 118.000            | 96.367                      | 81,7                                               | 114,3                                                     |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                |                    |                             |                                                    |                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                    |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                               |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                                  |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                          |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 4          | Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình                               | 1.494.115          | 329.115                     | 22,0                                               | 67,6                                                      |
| 4.1        | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                |                    |                             |                                                    |                                                           |
| 4.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                          | 1.494.115          | 329.115                     | -                                                  | -                                                         |
| -          | Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự                                       | 1.165.000          | -                           | -                                                  | -                                                         |
|            | Kinh phí tính giảm biên chế                                          | 329.115            | 329.115                     |                                                    |                                                           |

Ngày 03 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Văn Sinh